

Bản án số: 27/2026/DS-PT

Ngày: 29/01/2026

V/v: T/chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Hoàng Hữu Truyền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2025/TLPT-DS ngày 02/10/2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn anh Phạm Ngọc H, bị đơn chị Nguyễn Thúy N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Phúc Đ đối với bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thúy N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Trung K, sinh năm 1981; Luật sư- Công ty L1; Địa chỉ: Số A, ngõ B, đường N, tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thị Hương G, sinh năm 1986 (vợ anh H) (có mặt);

- Anh Đỗ Phúc Đ, sinh năm 1980 (chồng chị N) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Hương G trình bày:

Anh, chị được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD đất) số T 697330 ngày 18/6/2001 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, diện tích 174m² loại đất T, địa chỉ tại xóm C, xã P, thành phố T (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) mang tên hộ ông, bà Phạm Ngọc H. Nguồn gốc thửa đất là do anh H mua của ông Vũ Đức T vào năm 2000. Sau khi được cấp GCNQSD đất, anh chị đã thuê người xây tường bao và nhà tạm trên đất. Vì gia đình anh chị chủ yếu sinh sống ở tỉnh Thái Bình nên không thường xuyên sử dụng thửa đất này nhưng thỉnh thoảng vẫn đi lại kiểm tra. Đến khoảng năm 2004 thì phát hiện một phần tường bao do anh chị xây đã bị phá, với chiều dài khoảng trên 10m, ở vị trí tiếp giáp với gia đình chị Nguyễn Thúy N. Gia đình chị N đã xây dựng công trình lên phần tường nhà anh chị bị phá. Anh chị đã tìm gặp chị N để làm rõ sự việc nhưng chị N cho rằng chính anh chị đã xây tường lấn vào đất nhà chị, phần tường bao còn lại vẫn ở vị trí giáp ranh hai nhà, gia đình chị N không phá mà xây đè lên. Đến năm 2021, gia đình chị N tiếp tục xây nhà kiên cố nên đã phá nốt phần tường còn lại của nhà anh chị. Anh chị đã yêu cầu chị N xây dựng lại theo đúng ranh giới theo GCNQSD đất được cấp nhưng chị N không đồng ý. Đến năm 2024, anh chị có nhu cầu xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất số 7, tờ bản đồ 79 của gia đình nên đã mời Công ty Đ1 kiểm tra hiện trạng thửa đất để làm căn cứ xây dựng thì phát hiện thửa đất của anh chị đã bị gia đình chị N lấn chiếm. Anh chị đã làm đơn đề nghị đến UBND xã P giải quyết nhưng không thành.

Do vậy, anh H khởi kiện đến Tòa án giải quyết, đề nghị buộc chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ phá dỡ tài sản trên đất, trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 14,3m² tại thửa đất số 7, tờ bản đồ 79 có địa chỉ tại xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần Đ2. Về chi phí tố tụng bao gồm tiền thẩm định, định giá tài sản là 13.700.000 đồng, chi phí khai thác hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T là 1.260.000 đồng. Anh H tự nguyện nộp chi phí khai thác hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, còn chi phí thẩm định, định giá tài sản, anh đề nghị bên nào thua thì bên đó phải chịu.

Bị đơn chị Nguyễn Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Phúc Đ trong Bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 20/1/1995, bố đẻ chị N là ông Nguyễn Tiến T1 có mua của ông Đoàn Ngọc H1 thửa đất số 6, tờ bản đồ 79 diện tích 100m², hai bên có thỏa thuận viết tay “giấy bán đất”, sau đó ông T1 cho vợ chồng anh chị mảnh đất này. Đến ngày 02/8/2004, theo hợp đồng chuyển nhượng là ngày 25/8/2006,

anh chị đã ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với ông H1 mua thửa đất số 6, tờ bản đồ 79, diện tích 100m² (trong đó có 64m² đất ONT; 36m² đất LNK). Đến ngày 20/11/2006, anh chị được UBND thành phố T cấp GCNQSD đất số AD 664299 đối với thửa đất số 655, tờ bản đồ 79, diện tích 100m² mang tên hộ bà Nguyễn Thúy N và ông Đỗ Phúc Đ. Năm 2021 gia đình anh chị được UBND thành phố T cấp Giấy phép xây dựng số 1600/GPXD ngày 6/8/2021 và hiện nay đã xây dựng nhà trên thửa đất được cấp phép.

Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại diện tích 14,3m² tại thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần Đ2. Gia đình anh chị đã được cấp GCNQSD đất từ năm 2006, cán bộ địa chính ban đầu đo đạc bằng phương thức thủ công, đến năm 2013 mới đo bằng phương thức máy bấm định vị nên sẽ có sự xô lệch trên bản đồ. Hiện trạng các gia đình đang sử dụng đất là không thiếu, nguyên nhân do địa chính trước đây đo đạc thủ công, đến năm 2013 mới đo đạc định vị. GCNQSD đất cấp cho vợ chồng anh có trước khi đo đạc định vị nên các thửa đất mới có sự xô lấn sang nhau. Gia đình anh chị đã và đang quản lý, sử dụng và xây nhà trên đất theo đúng diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất và giấy phép xây dựng. Đối với kết quả thẩm định, định giá tài sản, anh chị nhất trí không có ý kiến gì. Về chi phí tố tụng bao gồm tiền thẩm định, định giá, chi phí khai thác hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T bên nào thua thì bên đó chịu các chi phí này.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 264, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 164, 175, 176, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, 12, 31, 236 Luật Đất đai 2024; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân*”.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Phạm Ngọc H). Buộc chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ phải thanh toán giá trị diện tích đất lấn chiếm là 14,3m² thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên cho anh Phạm Ngọc H. Tổng số tiền phải thanh toán là 47.190.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ được quyền quản lý diện tích 14,3m² thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*theo GCNQSD đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày*

18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H). Trên đất có phần tường nhà, khối lượng xây dựng là $6,93\text{m}^3$ (dài 18m, cao 3,5m, rộng 0,11m, vị trí từ vị trí từ L, 12,13, 14, 15), phần ốp, trát có diện tích 63m^2 do chị N, anh Đ xây dựng năm 2021.

- Về vị trí diện tích đất tranh chấp $14,3\text{m}^2$ theo các điểm D, C, 11, 12, 13, 14, 15, D. Phía Bắc giáp hành lang giao thông từ: D, 15; Phía Nam giáp phần còn lại của nhà anh Đ, chị N, từ: C, 11; Phía Tây giáp phần còn lại của thửa số 7 tờ bản đồ 79 của anh H từ: 11, 12, 13, 14, 15; Phía Đông giáp thửa 677, tờ bản đồ số 79 của anh Đ, chị N, từ: C (Kèm theo trích đo hiện trạng của Công ty Cổ phần Đ2)

- Chị N, anh Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý GCNQSD đất theo quy định.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận anh H tự nguyện nộp chi phí khai thác hồ sơ tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T là 1.260.000 đồng (đã thanh toán xong). Buộc chị N, anh Đ phải trả cho anh H chi phí thẩm định, định giá tài sản là 13.700.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ phải nộp án phí DSST là 2.359.500 đồng, làm tròn là 2.360.000 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước. H2 lại cho anh H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000701 ngày 21/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Ngày 28/8/2025 nguyên đơn Phạm Ngọc H kháng cáo không nhất trí với giá trị đất được bồi thường theo bản án là 47.190.000đ. Đề nghị sửa bản án, công nhận QSD đất hợp pháp cho gia đình anh và buộc trả lại diện tích đất đã lấn chiếm (nếu trả bằng tiền thì phải hoàn trả giá trị đất lấn chiếm theo giá thị trường).

Ngày 28 và 29/8/2025, bị đơn chị Nguyễn Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Phúc Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Xác định về ranh giới, diện tích đất không phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất đai của các hộ tại khu vực; gia đình đã xây nhà theo đúng diện tích đất được cấp

đã ở ổn định hơn 20 năm, khi xây nhà các hộ liền kề đã xây nhà kiên cố; trên thực tế do hiện trạng các gia đình đang sử dụng đất là không thiếu, nguyên nhân do địa chính trước đây đo đạc thủ công, đến năm 2013 mới đo đạc định vị nên các thửa đất mới có sự xô lấn sang nhau, đây là lỗi khách quan không phải riêng gia đình anh chị; Tòa án chưa tiến hành xác minh đầy đủ tình trạng đất của toàn bộ các hộ dân liền kề... chưa đánh giá mối quan hệ nhân quả của việc xô lệch đất, chưa xem xét đến trách nhiệm của cơ quan chuyên môn trong công tác đo đạc lập và quản lý hồ sơ địa chính... và không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến việc giải quyết của Tòa án và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình, để đảm bảo việc giải quyết khách quan công bằng. Đề nghị:

+ Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17 ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên;

+ Tiến hành đo đạc, thẩm định lại toàn bộ các hộ dân trong khu đất để xác định chính xác ranh giới, mốc giới của từng hộ;

+ Đưa cơ quan đơn vị quản lý đất đai liên quan đến công tác đo đạc lập, cấp giấy CNQSD đất và tham gia tố tụng;

+ Xem xét rõ trách nhiệm của cơ quan đo đạc và quản lý đất đai trong việc để xảy ra sai lệch ranh giới, gây tranh chấp trong dân;

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn đề nghị bị đơn trả tổng số tiền 70.000.000đ, gồm tiền biến động của giá trị 14,3 m² đất vào năm 2026 là 56.300.000đ và 13.700.000đ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Bị đơn được quyền sử dụng 14,3m², nằm trong giấy chứng nhận của nguyên đơn, theo kết quả thẩm định của Tòa án.

Bị đơn nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng nhất trí với quan điểm của nguyên đơn và bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhất trí với quan điểm của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến có quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự là hợp lệ được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận thỏa thuận của các đương sự,

sửa bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà, hội đồng xét xử thấy:

[1.]. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[1.1.]. Chị Nguyễn Thị N1 và anh Đỗ Phúc Đ có trách nhiệm trả cho anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G số tiền 70.000.000đ, gồm:

+ 56.300.000đ là tiền biến động của 14,3 m² đất năm 2026, đất thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư (ONT) tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*theo GCNQSD đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H*), theo bản trích đo là các điểm từ L, 12,13, 14, 15, D, C, L.

+ 13.700.000đ là tiền thẩm định, định giá tài sản.

[1.2.]. Chị Nguyễn Thị N1 và anh Đỗ Phúc Đ được sử dụng 14,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư (ONT) tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*theo GCNQSD đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H*), theo bản trích đo là các điểm từ D, C, 11, 12, 13, 14, 15, D và toàn bộ tài sản trên đất (do chị N1 và anh Đ xây dựng)

[1.3.]. Anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G được nhận số tiền 70.000.000đ, do chị N1 và anh Đ trả.

[1.4.]. Căn cứ theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký chỉnh lý biến động mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H cho cơ quan nhà nước có thẩm, để cơ quan có thẩm quyền tiến hành chỉnh lý biến động mục đích sử dụng đất theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, theo quy định của pháp luật.

[1.5.]. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ phải nộp án phí DSST là 2.815.000 đồng (*Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) sung quỹ Nhà nước.

H2 lại cho anh H 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000701 ngày 21/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Thái Nguyên*).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Ngọc H, chị Nguyễn Thúy N, anh Đỗ Phúc Đ mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000890 ngày 08/9/2025; chị N đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000894 ngày 08/9/2025; anh Đ đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000895 ngày 08/9/2025 đều của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

[2.]. Xét thấy: Đây là quyền tự định đoạt của các đương sự, việc thỏa thuận trên của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận nêu trên của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên như trên.

[3.]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên. Cụ thể:

- Chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ có trách nhiệm trả cho anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), gồm:

+ 56.300.000đ (*Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền biến động của 14,3 m² đất năm 2026, đất thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư (ONT) tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*GCNQSD đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H*), theo bản trích đo kèm theo bản án là các điểm từ L, 12,13, 14, 15, D, C, L.

+ 13.700.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) là tiền thẩm định, định giá tài sản.

- Chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ được quyền sử dụng 14,3m² đất, thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ 79, loại đất thổ cư (ONT) tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (*GCNQSD đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H*), theo bản trích đo kèm theo bản án là các điểm từ D, C, 11, 12, 13, 14, 15, D và toàn bộ tài sản trên đất (do chị N và anh Đ xây dựng)

- Anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G được nhận số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), do chị N và anh Đ trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký chỉnh lý biến động mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc H và chị Đặng Thị Hương G có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T697330 do UBND thành phố T cấp ngày 18/6/2001 mang tên ông Phạm Ngọc H cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để cơ quan có thẩm quyền tiến hành chỉnh lý biến động mục đích sử dụng đất theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy N và anh Đỗ Phúc Đ phải nộp án phí DSST là 2.815.000 đồng (*Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) sung quỹ Nhà nước.

H2 lại cho anh H 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000701 ngày 21/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (*nay là Phòng Thi hành án khu vực 1- Thái Nguyên*).

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Ngọc H, chị Nguyễn Thúy N, anh Đỗ Phúc Đ mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000890 ngày 08/9/2025; chị N đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000894 ngày 08/9/2025; anh Đ đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000895 ngày 08/9/2025 đều của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 1- Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 1- Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy